

Số: **7438** /BKHT-QLQH

V/v Báo cáo về thực hiện chính sách,
pháp luật về công tác quy hoạch kể từ
khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành
của Chính phủ

Hà Nội, ngày **28** tháng **10** năm 2021

- Kính gửi: - Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Quốc phòng;
Công an; Ngoại giao; Tư pháp; Tài chính; Công Thương; Lao
động - Thương binh và Xã hội; Giao thông vận tải; Thông tin
và Truyền thông; Giáo dục và Đào tạo; Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn; Y tế; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể
thao và Du lịch;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kế hoạch giám sát và các Đề cương báo cáo do Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành” của Quốc hội kèm theo Văn bản số 10/KH-ĐGS ngày 12/10/2021 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 7792/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ ngày 25 tháng 10 năm 2021 (*gửi kèm theo văn bản này*), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Về báo cáo của các Bộ:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo theo các nội dung tại Phụ lục 1 và hoàn thiện nội dung các bảng tương ứng tại Phụ lục 5 văn bản này.
- Bộ Xây dựng phối hợp báo cáo theo các nội dung tại Phụ lục 2 và hoàn thiện nội dung các bảng tương ứng tại Phụ lục 5 văn bản này.
- Các Bộ ngành khác phối hợp báo cáo theo các nội dung tại Phụ lục 3 và hoàn thiện nội dung các bảng tương ứng tại Phụ lục 5 văn bản này.

2. Về báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp báo cáo theo các nội dung tại Phụ lục 4 và hoàn thiện nội dung các bảng tương ứng tại Phụ lục 5 văn bản này.

Đề nghị Quý cơ quan khẩn xây dựng báo cáo và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư *trước ngày 15 tháng 11 năm 2021* (bản điện tử xin gửi tới địa chỉ thư điện tử

quynhanh98.mpi@gmail.com) để tổng hợp và trình Chính phủ xem xét và gửi Đoàn giám sát. Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Chuyên viên Vụ Quản lý quy hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư qua số điện thoại 080.44140 hoặc 0904049885.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (đề b/c)
- Lưu: VT, QLQH. (NQA)₂

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Trần Quốc Phương



PHỤ LỤC 1

Đề cương Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Kèm theo Văn bản số 7438/BKHĐT-QLQH ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *SV*

I. Đánh giá kết quả và những tồn tại, hạn chế trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch trước khi Luật Quy hoạch được ban hành

2. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch sau khi Luật Quy hoạch được ban hành

Liệt kê chi tiết các các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ theo Bảng 1 Phụ lục 5 của văn bản này.

2.1. Kết quả đạt được

2.2. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá tồn tại, hạn chế trong việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội của quý Bộ. Trong đó làm rõ những nội dung sau:

Căn cứ và thẩm quyền ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp, tính tuân thủ các quy định của luật, pháp lệnh, nghị quyết; Tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan

II. Lập, thẩm định và quyết định quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Bảng 2 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Các nhiệm vụ được giao trong quá trình lập, thẩm định và quyết định quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành đã được ban hành và căn cứ pháp lý
- Nhiệm vụ được giao chủ trì
- Nhiệm vụ phối hợp.

2. Kết quả đạt được

a) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030

Nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (*tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả*); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian thẩm định và trình Quốc hội quyết định.

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của tổ chức tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình Quốc hội quyết định quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Sự phối hợp của các cơ quan trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của tổ chức tư vấn); Thực hiện quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Quốc hội quyết định; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3.2. Nguyên nhân



- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

3.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

III. Lập, thẩm định và quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 – 2030

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Bảng 2 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Các nhiệm vụ được giao trong quá trình lập, thẩm định và quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành đã được ban hành và căn cứ pháp lý
- Nhiệm vụ được giao chủ trì
- Nhiệm vụ phối hợp.

2. Kết quả đạt được

a) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (*tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả*); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian thẩm định và trình Quốc hội quyết định.

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình Quốc hội quyết định quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

3.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, năng lực của đơn vị tư vấn); Trình tự, thủ tục tổ chức lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Quốc hội quyết định; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

3.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

IV. Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Bảng 2 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

Đánh giá cụ thể với từng loại quy hoạch ngành quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm, cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

a) Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)

b) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (*tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả*); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030:

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
- + Các văn bản quy phạm pháp luật;
- + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

V. Phối hợp lập và thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030

Đánh giá cụ thể với từng loại quy hoạch như sau:

1. Chức năng, nhiệm vụ trong quá trình phối hợp

2. Kết quả thực hiện trong quá trình phối hợp

- Các nhiệm vụ đã hoàn thành;
- Kết quả phối hợp.

3. Tồn tại, hạn chế trong phối hợp

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
- + Các văn bản quy phạm pháp luật;
- + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa



chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, năng lực của đơn vị tư vấn); Trình tự, thủ tục lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

4. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VI. Phối hợp hướng dẫn lập và thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030

Theo các nội dung cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

Theo các nội dung cụ thể như sau:

a) Việc ban hành các văn bản

- Các văn bản quy phạm pháp luật;
- Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);
- Các văn bản phối hợp xây dựng và ban hành.

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc phối hợp hướng dẫn lập và thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030

- Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản hướng dẫn; thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng;

- Tiến độ tổ chức thẩm định quy hoạch tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

- + Các văn bản quy phạm pháp luật;
- + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Hướng dẫn lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn



tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Đánh giá việc sử dụng nguồn vốn xã hội hóa cho công tác quy hoạch; Hướng dẫn lựa chọn tư vấn lập quy hoạch quy hoạch; Đánh giá về sự phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình hướng dẫn lập quy hoạch; Đánh giá việc phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Đánh giá việc phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình tổ chức thẩm định quy hoạch; Đánh giá việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và việc hoàn thiện Hồ sơ trình phê duyệt; Công khai quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có)...

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức, cá nhân

VII. Rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Bảng 3 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

- Văn bản chỉ đạo điều hành;
- Việc rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh;
- Số lượng quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh theo Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh chưa được quyết định/phê duyệt (nêu cụ thể tên quy hoạch, cấp phê duyệt điều chỉnh, hình thức điều chỉnh và số lần điều chỉnh).

- Đánh giá: Kết quả đạt được của việc rà soát ban hành danh mục quy hoạch được tích hợp và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 (các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020; Xử lý vi phạm (nếu có).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế trong việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia

- Tiến độ rà soát và ban hành;
- Số lượng, phạm vi rà soát (đã kịp thời, đầy đủ chưa?);

- Tồn tại, hạn chế do văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, điều hành.

2.2. Tồn tại, hạn chế trong điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Việc tuân thủ các quy định về căn cứ điều chỉnh, nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt; Nội dung quy hoạch được điều chỉnh; Tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh với các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đánh giá cụ thể với từng cấp/loại quy hoạch).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan.

2.4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VIII. Rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Bảng 4 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

1.1. Kết quả triển khai rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Văn bản chỉ đạo điều hành;

- Kết quả rà soát: Số lượng quy hoạch bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch của các Bộ và địa phương (nêu tên cụ thể quy hoạch bị bãi bỏ; văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ lập quy hoạch; cấp có thẩm quyền bãi bỏ; văn bản rà soát);

- Đánh giá: Kết quả đã đạt được của việc rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (trong đó cần tập trung

làm rõ: các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa?); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020.

1.2. Kết quả ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Đánh giá việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch:

Sự cần thiết ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung); Tính đồng bộ, thống nhất (mức độ đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tuân thủ các quy định văn bản pháp luật cấp cao hơn); Tác động đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm trong việc rà soát quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:
 - Mức độ rà soát; Tiến độ rà soát; Việc ban hành các văn bản thay thế
 - Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

IX. Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan thuộc phạm vi quản lý của Bộ

Đánh giá cụ thể với từng loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm, cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

a) Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)

b) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (*tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả*); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thời kỳ 2021-2030:

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Mức độ cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

X. Hướng dẫn lập và quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định của pháp luật về đất đai

1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các văn bản

- Các văn bản quy phạm pháp luật;
- Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc hướng dẫn lập và quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

- Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản hướng dẫn;

- Tiến độ lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;
+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian phê duyệt; Sự cần thiết, nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; Tính liên kết, đồng bộ, ổn định và hệ thống của quy hoạch (đặc biệt là giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất); Việc công bố, công khai thông tin quy hoạch...

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch).

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan



4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

XI. Phối hợp xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia

1. Kết quả đạt được

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)

- Tiến độ thực hiện; Mức độ liên kết với các hệ thống thông tin và quản lý của ngành khác; Sự tham gia của các Bộ, ngành và địa phương; Mức độ đáp ứng nhu cầu về thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch của người dân, doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện

Phân tích các tồn tại hạn chế liên quan đến: Tiến độ; Mức độ liên kết với các hệ thống thông tin và quản lý của ngành khác; Sự tham gia của các Bộ, ngành và địa phương; Mức độ đáp ứng nhu cầu về thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch của người dân, doanh nghiệp. Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

XI. Kiến nghị giải pháp hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Theo yêu cầu tại Phần II của Đề cương, cụ thể như sau:

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

2. Về thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản (nếu có).

3. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quy định pháp luật về công tác quy hoạch (nếu có)



Đồng thời, Liệt kê cụ thể các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị theo Bảng tại Phụ lục 6 của Đề cương báo cáo.



PHỤ LỤC 2

Đề cương báo cáo của Bộ Xây dựng

(Kèm theo Văn bản số 7438/BKHĐT-QLQH ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *SV*

I. Đánh giá kết quả và những tồn tại, hạn chế trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch trước khi Luật Quy hoạch được ban hành

2. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch sau khi Luật Quy hoạch được ban hành

Liệt kê chi tiết các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ theo Bảng 1 Phụ lục 5 của văn bản này.

2.1. Kết quả đạt được

2.2. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá tồn tại, hạn chế trong việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội của quý Bộ. Trong đó làm rõ những nội dung sau:

Căn cứ và thẩm quyền ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp, tính tuân thủ các quy định của luật, pháp lệnh, nghị quyết; Tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan

II. Lập, thẩm định các quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 – 2030

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Bảng 2 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

- a) Văn bản chỉ đạo điều hành

b) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (*tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả*); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, năng lực của đơn vị tư vấn); Trình tự, thủ tục tổ chức lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

III. Hướng dẫn lập và quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo quy định của pháp luật về đô thị và pháp luật về xây dựng

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Mục B và C tại Bảng 2, Phụ lục 5 của văn bản này.



1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các văn bản

- Các văn bản quy phạm pháp luật;
- Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc hướng dẫn lập và quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

- Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản hướng dẫn;
- Tiến độ lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
 - Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian phê duyệt; Sự cần thiết, nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; Tính liên kết, đồng bộ, ổn định và hệ thống của quy hoạch (đặc biệt là giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất); Việc công bố, công khai thông tin quy hoạch...

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch).

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

IV. Phối hợp lập và thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030



Đánh giá cụ thể với từng loại quy hoạch, cụ thể như sau:

1. Chức năng, nhiệm vụ trong quá trình phối hợp

2. Kết quả thực hiện trong quá trình phối hợp

- Các nhiệm vụ đã hoàn thành;
- Kết quả phối hợp.

3. Tồn tại, hạn chế trong phối hợp

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, năng lực của đơn vị tư vấn); Trình tự, thủ tục tổ chức lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

4. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

IV. Phối hợp hướng dẫn lập và thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030

Đánh giá những nội dung cụ thể sau:

1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các văn bản

- Các văn bản quy phạm pháp luật; - Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);
- Các văn bản phối hợp xây dựng và ban hành.

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc phối hợp hướng dẫn lập và thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030

- Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản hướng dẫn; thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng.

- Tiến độ tổ chức thẩm định quy hoạch tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Hướng dẫn lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Đánh giá việc sử dụng nguồn vốn xã hội hóa cho công tác quy hoạch; Hướng dẫn lựa chọn tư vấn lập quy hoạch quy hoạch; Đánh giá về sự phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình hướng dẫn lập quy hoạch; Đánh giá việc phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Đánh giá việc phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình tổ chức thẩm định quy hoạch; Đánh giá việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và việc hoàn thiện Hồ sơ trình phê duyệt; Công khai quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có);

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

V. Đánh giá kết quả và những tồn tại, hạn chế trong quá trình rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo Bảng 3 tại Phụ lục 5 văn bản này.

1. Kết quả đạt được

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Việc rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh;

- Số lượng quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh theo Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt (nêu cụ thể tên quy hoạch, cấp phê duyệt điều chỉnh, hình thức điều chỉnh và số lần điều chỉnh).

- Đánh giá: Việc rà soát ban hành danh mục quy hoạch được tích hợp và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 (các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020; Xử lý vi phạm (nếu có).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế trong việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia

- Tiến độ rà soát và ban hành;

- Số lượng, phạm vi rà soát (Đã kịp thời, đầy đủ chưa? Có phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch không?);

- Tồn tại hạn chế do văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, điều hành.

2.2. Tồn tại, hạn chế trong điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Việc tuân thủ các quy định về căn cứ điều chỉnh, nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt; Nội dung quy hoạch được điều chỉnh; Tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh với các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có).

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đánh giá cụ thể với từng cấp/loại quy hoạch).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

2.4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VI. Đánh giá kết quả và những tồn tại, hạn chế trong quá trình rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo Bảng 4 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

1.1. Kết quả triển khai rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Kết quả rà soát: Số lượng quy hoạch bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch của các Bộ và địa phương (nêu tên cụ thể quy hoạch bị bãi bỏ; văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ lập quy hoạch; cấp có thẩm quyền bãi bỏ; văn bản rà soát);

- Đánh giá: Việc rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (trong đó cần tập trung làm rõ: các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa?); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020.

1.2. Kết quả ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Đánh giá việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch:

Sự cần thiết ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung, kịp thời); Tính đồng bộ, thống nhất (mức độ đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tuân thủ các quy định văn bản pháp luật cấp cao hơn); Tác động đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:
- Mức độ rà soát; Tiến độ rà soát; Việc ban hành các văn bản thay thế
- Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VII. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo bảng tại Mục A – Bảng 5, Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các văn bản

- Các văn bản quy phạm pháp luật;
- Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng

- Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi;
- Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng lập, tổ chức thẩm định và đánh giá chung về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng của các địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian phê duyệt; Sự cần thiết, nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; Tính liên kết, đồng bộ,

ổn định và hệ thống của quy hoạch (đặc biệt là giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất); Việc công bố, công khai thông tin quy hoạch.

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch).

VIII. Phối hợp xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia

1. Kết quả đạt được

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)

- Tiến độ thực hiện; Mức độ liên kết với các hệ thống thông tin và quản lý của của ngành khác; Sự tham gia của các Bộ, ngành và địa phương; Mức độ đáp ứng nhu cầu về thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch của người dân, doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện

Phân tích các tồn tại hạn chế liên quan đến: Tiến độ; Mức độ liên kết với các hệ thống thông tin và quản lý của của ngành khác; Sự tham gia của các Bộ, ngành và địa phương; Mức độ đáp ứng nhu cầu về thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch của người dân, doanh nghiệp. Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

IX. Kiến nghị giải pháp hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

2. Về thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản (nếu có).

3. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quy định pháp luật về công tác quy hoạch (nếu có)

Đồng thời, liệt kê cụ thể các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị theo Bảng 6 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

PHỤ LỤC

Đề cương Báo cáo của các Bộ Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Kèm theo Văn bản số 7438/BKHĐT-QLQH ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) *SV*

I. Đánh giá kết quả và những tồn tại, hạn chế trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch trước khi Luật Quy hoạch được ban hành

2. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch sau khi Luật Quy hoạch được ban hành

Liệt kê chi tiết các các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Bộ theo Bảng 1 Phụ lục 5 của văn bản này.

2.1. Kết quả đạt được

2.2. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá tồn tại, hạn chế trong việc ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội của quý Bộ. Trong đó làm rõ những nội dung sau:

Căn cứ và thẩm quyền ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp, tính tuân thủ các quy định của luật, pháp lệnh, nghị quyết; Tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan

II. Lập, thẩm định các quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 – 2030

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Bảng 2 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

a) Văn bản chỉ đạo điều hành

b) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (*tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả*); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, năng lực của đơn vị tư vấn); Trình tự, thủ tục tổ chức lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan



III. Phối hợp lập và thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030

Đánh giá cụ thể với từng loại quy hoạch, cụ thể như sau:

1. Chức năng, nhiệm vụ trong quá trình phối hợp

2. Kết quả thực hiện trong quá trình phối hợp

- Các nhiệm vụ đã hoàn thành;
- Kết quả phối hợp.

3. Tồn tại, hạn chế trong phối hợp

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, năng lực của đơn vị tư vấn); Trình tự, thủ tục tổ chức lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

4. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

IV. Phối hợp hướng dẫn lập và thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030

Theo các nội dung cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các văn bản

- Các văn bản quy phạm pháp luật; - Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);
- Các văn bản phối hợp xây dựng và ban hành.

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc phối hợp hướng dẫn lập và thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030

- Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản hướng dẫn; thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng.

- Tiến độ tổ chức thẩm định quy hoạch tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Hướng dẫn xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Hướng dẫn lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Đánh giá việc sử dụng nguồn vốn xã hội hóa cho công tác quy hoạch; Hướng dẫn lựa chọn tư vấn lập quy hoạch quy hoạch; Đánh giá về sự phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình hướng dẫn lập quy hoạch; Đánh giá việc phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Đánh giá việc phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình tổ chức thẩm định quy hoạch; Đánh giá việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và việc hoàn thiện Hồ sơ trình phê duyệt; Công khai quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có);

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

V. Đánh giá kết quả và những tồn tại, hạn chế trong quá trình Rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo Bảng 3 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Việc rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh;

- Số lượng quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh theo Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh chưa được quyết định hoặc phê duyệt (nêu cụ thể tên quy hoạch, cấp phê duyệt điều chỉnh, hình thức điều chỉnh và số lần điều chỉnh).

- Đánh giá: Việc rà soát ban hành danh mục quy hoạch được tích hợp và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 (các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020; Xử lý vi phạm (nếu có).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế trong việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia

- Tiến độ rà soát và ban hành;
- Số lượng, phạm vi rà soát (Đã kịp thời, đầy đủ chưa? Có phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch không?);

- Tồn tại hạn chế do văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, điều hành.

2.2. Tồn tại, hạn chế trong điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Việc tuân thủ các quy định về căn cứ điều chỉnh, nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt; Nội dung quy hoạch được điều chỉnh; Tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh với các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có).

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đánh giá cụ thể với từng cấp/loại quy hoạch).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VI. Đánh giá kết quả và những tồn tại, hạn chế trong quá trình rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo bảng tại Bảng 4 Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

1.1. Kết quả triển khai rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Kết quả rà soát: Số lượng quy hoạch bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch của các Bộ và địa phương (nêu tên cụ thể quy hoạch bị bãi bỏ; văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ lập quy hoạch; cấp có thẩm quyền bãi bỏ; văn bản rà soát);

- Đánh giá: Việc rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (trong đó cần tập trung làm rõ: các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa?); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020.

1.2. Kết quả ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Đánh giá việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch:

Sự cần thiết ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung, kịp thời); Tính đồng bộ, thống nhất (mức độ đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tuân thủ các quy định văn bản pháp luật cấp cao hơn); Tác động đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:
- Mức độ rà soát; Tiến độ rà soát; Việc ban hành các văn bản thay thế
- Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VII. Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan thuộc phạm vi quản lý của Bộ

Đánh giá cụ thể với từng loại quy hoạch ngành quốc gia do Bộ chịu trách nhiệm, cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

- a) Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)
- b) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (*tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả*); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- c) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thời kỳ 2021-2030:

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Mức độ cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VIII. Kiến nghị giải pháp hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

2. Về thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản (nếu có).

3. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quy định pháp luật về công tác quy hoạch (nếu có)

Đồng thời, Liệt kê cụ thể các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị theo Bảng 6 tại Phụ lục 5 của văn bản này.



PHỤ LỤC 4

Đề cương Báo cáo của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

(Kèm theo Văn bản số 7834/BKHĐT-QLQH ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo bảng tại Bảng 2 Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

a) Văn bản chỉ đạo điều hành

b) Tiến độ triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tỉnh

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Tư vấn lập quy hoạch; Nội dung quy hoạch (tính đến thời điểm lập báo cáo kết quả); Hoạt động phối hợp của các cơ quan có liên quan; Việc tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch; Dự kiến thời gian trình thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Đánh giá chung về kết quả đạt được của việc lập, thẩm định và quyết định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030

Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Tác động đối với công tác quản lý nhà nước.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Trình tự, thủ tục tổ chức lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong

quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan

II. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Liệt kê các kết quả đạt được, tiến độ triển khai thực hiện các công việc theo Mục B và C - Bảng 2 tại Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành các văn bản

- Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)

b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn

- Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản chỉ đạo điều hành;

- Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;

- Đánh giá kết quả đạt được trong quản lý nhà nước theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích tồn tại, hạn chế liên quan đến: Nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý

kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian phê duyệt; Sự cần thiết, nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; Tính liên kết, đồng bộ, ổn định và hệ thống của quy hoạch (đặc biệt là giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất); Việc công bố, công khai thông tin quy hoạch.

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch).

III. Phối hợp lập và thẩm định quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030

Đánh giá cụ thể với từng loại quy hoạch, cụ thể như sau:

1. Chức năng, nhiệm vụ trong quá trình phối hợp

2. Kết quả thực hiện trong quá trình phối hợp

- Các nhiệm vụ đã hoàn thành;
- Kết quả phối hợp.

3. Tồn tại, hạn chế trong phối hợp

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Trình tự, thủ tục lập quy hoạch; Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có); Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước.

4. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

IV. Rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo bảng tại Bảng 3 Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Việc rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh;

- Số lượng quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh theo Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh chưa được quyết định/phê duyệt (nêu cụ thể tên quy hoạch, cấp phê duyệt điều chỉnh, hình thức điều chỉnh và số lần điều chỉnh).

- Đánh giá: Việc rà soát ban hành danh mục quy hoạch được tích hợp và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 (các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020; Xử lý vi phạm (nếu có).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế trong việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia

- Tiến độ rà soát và ban hành;

- Số lượng, phạm vi rà soát (đã kịp thời, đầy đủ chưa?);

- Tồn tại hạn chế do văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, điều hành.

2.2. Tồn tại, hạn chế trong điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Việc tuân thủ các quy định về căn cứ điều chỉnh, nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt; Nội dung quy hoạch được điều chỉnh; Tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh với các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có).



Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đánh giá cụ thể với từng cấp/loại quy hoạch).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

V. Rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành chính sách thay thế trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo Bảng 4 Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

1.1. Kết quả triển khai rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Kết quả rà soát: Số lượng quy hoạch bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch của các Bộ và địa phương (nêu tên cụ thể quy hoạch bị bãi bỏ; văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ lập quy hoạch; cấp có thẩm quyền bãi bỏ; văn bản rà soát);

- Đánh giá: Việc rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (trong đó cần tập trung làm rõ: các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa?); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020.

1.2. Kết quả ban hành chính sách thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Đánh giá việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch:

Sự cần thiết ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung); Tính đồng bộ, thống nhất (mức độ đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tuân thủ các quy định văn bản pháp luật cấp cao hơn); Tác

động đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:
 - Mức độ rà soát; Tiến độ rà soát; Việc ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế
 - Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VI. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo bảng tại Mục A Bảng 5 của Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

- a) Việc ban hành các văn bản
 - Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)
- b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng
 - Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản chỉ đạo điều hành;
 - Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;
 - Đánh giá kết quả đạt được trong quản lý nhà nước theo quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

- + Các văn bản quy phạm pháp luật;
- + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian phê duyệt; Sự cần thiết, nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; Tính liên kết, đồng bộ, ổn định và hệ thống của quy hoạch (đặc biệt là giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất); Việc công bố, công khai thông tin quy hoạch.

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch).

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VII. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định của pháp luật về đất đai trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Liệt kê các kết quả thực hiện các công việc theo bảng tại Mục B Bảng 5, Phụ lục 5 của văn bản này.

1. Kết quả đạt được

- a) Việc ban hành các văn bản
 - Các văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng)
- b) Đánh giá chung về kết quả đạt được trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý nhà nước về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện
 - Đánh giá về thời gian ban hành, tính kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi của các văn bản chỉ đạo điều hành;
 - Tiến độ lập, thẩm định, điều chỉnh hoạch sử dụng đất cấp huyện trên địa bàn tỉnh;

- Đánh giá kết quả đạt được trong quản lý nhà nước theo hoạch sử dụng đất cấp huyện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian phê duyệt; Sự cần thiết, nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; Tính liên kết, đồng bộ, ổn định và hệ thống của quy hoạch (đặc biệt là giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất); Việc công bố, công khai thông tin quy hoạch.

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch).

3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

VI. Kiến nghị giải pháp hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

2. Về thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản (nếu có).

3. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quy định pháp luật về công tác quy hoạch (nếu có)

Đồng thời, liệt kê cụ thể các khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị theo Bảng 6 Phụ lục 5 của văn bản này.



PHỤ LỤC 5
CÁC BẢNG BIỂU KÈM THEO ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CỦA CHÍNH PHỦ DO ĐOÀN GIÁM SÁT YÊU CẦU
(Kèm theo Văn bản số 7138/BKHĐT-QLQH ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

BẢNG 1

Các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội về quy hoạch và các văn bản chỉ đạo điều hành

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản	Số văn bản	Thời gian ban hành	Căn cứ ban hành
A	CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT					
B	CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH					
I	Lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
II	Rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 – 2020 khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
III	Rà soát quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các chính sách, quy định pháp luật thay thế					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
IV	Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
V	Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
IV	Xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia					

		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				

BẢNG 2

Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021-2030

A - Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030

TT	Tên quy hoạch	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch	Cơ quan lập quy hoạch	Dự toán lập quy hoạch		Tư vấn lập quy hoạch		Tình trạng, thời gian, tiến độ thực hiện						
				Tình trạng	Dự toán đã phê duyệt (tỷ đồng)	Tình trạng lựa chọn	Tên Tư vấn lập quy hoạch	Lập quy hoạch		Thẩm định		Phê duyệt		
								Tình trạng, Thời gian đã lấy ý kiến	Dự kiến hoàn thành	Tình trạng, Thời gian đã trình	Dự kiến hoàn thành	Tình trạng, Thời gian đã trình	Dự kiến hoàn thành	
I	QH cấp quốc gia													
II	QH vùng													
III	QH tỉnh													

B - Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị (báo cáo cụ thể theo các loại quy hoạch chung, phân khu, chi tiết, hạ tầng kỹ thuật đối với từng loại đô thị)

TT	Loại đô thị	Số lượng	Số lượng quy hoạch đang được lập mới	Số lượng quy hoạch đã được phê duyệt	Số lượng quy hoạch đang tiến hành điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đã được điều chỉnh	
					Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ
	Đặc biệt							
	Loại 1							
	Loại 2							
	Loại 3							
	Loại 4							
	Loại 5							

C - Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch nông thôn

TT	Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương	Số lượng	Số lượng quy hoạch đang được lập mới	Số lượng quy hoạch đã được phê duyệt	Số lượng quy hoạch đang tiến hành điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đã được điều chỉnh	
					Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ

BẢNG 3

Kết quả điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011-2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt

TT	Tên quy hoạch được điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Cơ quan lập quy hoạch	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định/phê duyệt điều chỉnh	Căn cứ pháp lý (Văn bản quy phạm pháp luật, Văn bản chỉ đạo, điều hành)	Hình thức điều chỉnh (tổng thể/cục bộ)
I	Cấp quốc gia						
II	Cấp vùng						
III	Cấp tỉnh						

BẢNG 4

Kết quả rà soát quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

TT	Tên quy hoạch bị bãi bỏ	Cơ quan quyết định bãi bỏ	Số văn bản quyết định bãi bỏ	Ngày ban hành văn bản	Quy định pháp luật thay thế	Ghi chú
I	Cấp quốc gia					
II	Cấp vùng					
II	Cấp tỉnh					

BẢNG 5**Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện
(quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành)****A - Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch xây dựng**

TT	Tên quy hoạch	Tổng số	Số lượng quy hoạch đang được lập	Số lượng quy hoạch đã thẩm định	Số lượng quy hoạch đã được phê duyệt	Số lượng quy hoạch đã điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đang được điều chỉnh	
						Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ
	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện								
	Quy hoạch xây dựng vùng huyện								
	Quy hoạch xây dựng khu chức năng (phân loại theo từng loại quy hoạch chung, phân khu, chi tiết)								

B - Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

TT	Địa phương	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2011 – 2020 đã được điều chỉnh	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030 đã được lập	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đã thẩm định	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đã phê duyệt

BẢNG 6

Rà soát khó khăn, vướng mắc của các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác quy hoạch và kiến nghị sửa đổi, bổ sung

TT	Tên văn bản	Nội dung	Khó khăn, vướng mắc	Cơ quan/ địa phương kiến nghị	Kiến nghị
I	Lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030				
II	Rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 – 2020 khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt				
III	Rà soát quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các chính sách, quy định pháp luật thay thế				
IV	Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện				
V	Xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia				
VI	Các nội dung khác				

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7792/VPCP-CN
V/v báo cáo thực hiện chính sách,
pháp luật về công tác quy hoạch

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kế hoạch chi tiết giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành” tại văn bản số 10/KH-ĐGS ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Đoàn giám sát của Quốc hội, ý kiến của Tổng thư ký Quốc hội tại văn bản số 216/TTKQH-GS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch chi tiết giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành” của Đoàn giám sát của Quốc hội tại văn bản số 10/KH-ĐGS ngày 12 tháng 10 năm 2021, gửi báo cáo đến Đoàn giám sát theo quy định, đúng thời hạn.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng báo cáo của Chính phủ theo Đề cương của Đoàn giám sát (gửi kèm theo), trình Chính phủ trước ngày 15 tháng 12 năm 2021 để xem xét, gửi Đoàn giám sát trước ngày 30 tháng 12 năm 2021.

Văn phòng Chính phủ thông báo để các Bộ, cơ quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2b). Hop

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Cao Lộc

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành (Đề cương báo cáo của Chính phủ)

PHẦN I

TÌNH HÌNH BAN HÀNH CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC QUY HOẠCH

I. Đường lối, chủ trương của Đảng

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc; Nghị quyết của BCH Trung ương; Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương.

II. Văn bản quy phạm pháp luật về công tác quy hoạch

1. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch trước khi Luật Quy hoạch được ban hành

2. Hệ thống pháp luật về công tác quy hoạch sau khi Luật Quy hoạch được ban hành

2.1. Kết quả đạt được

2.2. Tồn tại, hạn chế

Đánh giá những tồn tại, hạn chế trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch; các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch và Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó làm rõ những nội dung sau:

Căn cứ và thẩm quyền ban hành; Đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp, tính tuân thủ các quy định của luật, pháp lệnh, nghị quyết; Tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp luật còn thiếu); Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, cá nhân có liên quan.

PHẦN II

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC QUY HOẠCH

I. Lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

1. Kết quả lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

- Văn bản chỉ đạo điều hành;



- Số lượng quy hoạch đã được triển khai lập, tiến độ lập; Số lượng quy hoạch đã được thẩm định; Số lượng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định/phê duyệt;

- Đánh giá: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Sự phối hợp của các cơ quan trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch của từng cấp/loại quy hoạch theo hệ thống quy hoạch quốc gia; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có).

Tác động đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và của người dân (đánh giá cụ thể với từng cấp/loại quy hoạch).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm trong việc lập, thẩm định, quyết định/phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Tiến độ lập (bao gồm cả xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch), thẩm định và quyết định/phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Việc thực hiện các trình tự, thủ tục trong hoạt động quy hoạch; Sự phối hợp của các cơ quan và lấy ý kiến trong hoạt động quy hoạch; Việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch của từng cấp/loại quy hoạch theo hệ thống quy hoạch quốc gia; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có)

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và của người dân (đánh giá cụ thể với từng cấp/loại quy hoạch).

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan.

2.3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

II. Rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

1. Kết quả đạt được

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Việc rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

- Số lượng quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh theo Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh chưa được quyết định/phê duyệt (nêu cụ thể tên quy hoạch, cấp phê duyệt điều chỉnh, hình thức điều chỉnh và số lần điều chỉnh).

- Đánh giá: Việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch được tích hợp và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 (các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa; Có phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch không?); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020; Xử lý vi phạm (nếu có).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế trong việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia

- Tiến độ rà soát và ban hành;

- Số lượng, phạm vi rà soát (đã kịp thời, đầy đủ chưa?);

- Tồn tại, hạn chế do văn bản quy phạm pháp luật; văn bản chỉ đạo, điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

2.2. Tồn tại, hạn chế trong điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định/phê duyệt

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Việc tuân thủ các quy định về căn cứ điều chỉnh, nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt; Nội dung quy hoạch được điều chỉnh; Tính liên kết, đồng bộ, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 với nhau; Tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 đã được điều chỉnh với các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có).

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đánh giá cụ thể với từng cấp/loại quy hoạch).

2.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

2.4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

III. Rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

1. Kết quả rà soát

1.1. Kết quả triển khai rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng);

- Kết quả rà soát: Số lượng quy hoạch bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch của các Bộ, địa phương (nêu tên cụ thể quy hoạch bị bãi bỏ; văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ lập quy hoạch; cấp có thẩm quyền bãi bỏ; văn bản rà soát);

- Đánh giá: Việc rà soát các quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch (trong đó cần tập trung làm rõ: các lĩnh vực được rà soát; đã kịp thời, đầy đủ chưa?); Kết quả đạt được của việc quản lý đầu tư, kinh doanh thông qua việc điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020.

1.2. Kết quả ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch

- Các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

- Đánh giá việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch:

Sự cần thiết ban hành; đối tượng, phạm vi điều chỉnh; Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật; Sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của chính sách; Tính đầy đủ (các quy định pháp



luật còn thiếu): Tính kịp thời (thời gian ban hành, quá trình sửa đổi, bổ sung); Tính đồng bộ, thống nhất (mức độ đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tuân thủ các quy định văn bản pháp luật cấp cao hơn); Tác động đối với công tác quản lý nhà nước và hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là mức độ cải cách hành chính).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:
 - + Mức độ rà soát; Tiến độ rà soát;
 - + Việc ban hành các văn bản thay thế: Tiến độ ban hành; Sự phù hợp với luật, pháp lệnh; mức độ cải cách thủ tục hành chính.
- Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan

2.3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

IV. Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện (quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành) theo quy định của pháp luật liên quan

1. Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

- Văn bản chỉ đạo điều hành.
- Số lượng quy hoạch đã được triển khai lập, tiến độ lập; Số lượng quy hoạch đã được thẩm định; Số lượng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Số lượng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền điều chỉnh...
- Đánh giá kết quả đạt được của việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện) theo quy định của pháp luật liên quan: Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh; Mức độ cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh; Công khai thông tin quy hoạch; Xử lý vi phạm (nếu có). Tác động đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

Phân tích rõ kết quả đạt được đối với từng loại, cấp quy hoạch.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

Làm rõ tồn tại, hạn chế đối với từng loại, cấp quy hoạch

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật;

+ Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).

- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Nhiệm vụ lập quy hoạch; Lập dự toán (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nguồn xã hội hóa (nếu có)), phân bổ kinh phí lập quy hoạch; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch (hình thức lựa chọn, thẩm quyền, quy trình, thủ tục lựa chọn, năng lực của đơn vị tư vấn); Thực hiện các quy trình phối hợp giữa các cơ quan và lấy ý kiến trong quá trình lập quy hoạch; Mức độ đáp ứng các yêu cầu về nội dung quy hoạch; Thẩm định quy hoạch; Kết quả thẩm định, dự kiến thời gian phê duyệt; Sự cần thiết, nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch; Tính liên kết, đồng bộ, ổn định và hệ thống của quy hoạch (đặc biệt là giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch sử dụng đất); Việc công bố, công khai thông tin quy hoạch...

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân (đặc biệt là việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch).

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

2.3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

V. Xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia

1. Kết quả triển khai

- Văn bản chỉ đạo điều hành;

- Tiến độ thực hiện;

- Mức độ liên kết với các hệ thống thông tin và quản lý của của ngành khác;

- Sự tham gia của các Bộ, ngành và địa phương;

- Vai trò của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch của các cơ quan quản lý Nhà nước;

- Mức độ đáp ứng nhu cầu về thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch của người dân, doanh nghiệp (đặc biệt là mức độ cải cách thủ tục hành chính).

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tồn tại, hạn chế được quy định trong:
 - + Các văn bản quy phạm pháp luật;
 - + Các văn bản chỉ đạo điều hành (thẩm quyền ban hành; căn cứ pháp lý; việc tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật; phạm vi áp dụng).
- Tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Phân tích các tồn tại, hạn chế liên quan đến: Tiến độ; Mức độ liên kết với các hệ thống thông tin và quản lý của các ngành khác; Sự tham gia của các Bộ, ngành và địa phương; Mức độ đáp ứng nhu cầu về thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến quy hoạch của người dân, doanh nghiệp.

Đánh giá tác động của tồn tại, hạn chế đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan
- Nguyên nhân chủ quan.

2.3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

PHẦN III

KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC QUY HOẠCH

I. Quan điểm, mục tiêu hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

1. Bối cảnh
2. Quan điểm hoàn thiện
3. Mục tiêu hoàn thiện

II. Kiến nghị, giải pháp hoàn thiện

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật (nếu có).

2. Về thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch

Nêu sự cần thiết, kiến nghị, giải pháp cụ thể và đánh giá tác động. Lộ trình ban hành mới, sửa đổi, bổ sung văn bản (nếu có).

3. Kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện quy định pháp luật về công tác quy hoạch (nếu có)



PHỤ LỤC 1

Các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội về quy hoạch và các văn bản chỉ đạo điều hành

TT	Nội dung	Cơ quan ban hành	Trích yếu văn bản	Số văn bản	Thời gian ban hành	Căn cứ ban hành
A	CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT					
B	CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH					
I	Lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
II	Rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 – 2020 khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
III	Rà soát quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các chính sách, quy định pháp luật thay thế					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
IV	Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
V	Lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				
IV	Xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia					
		Chính phủ				
		Thủ tướng				
		Bộ, cơ quan ngang Bộ				

PHỤ LỤC 2

Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021-2030

A - Kết quả lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030

TT	Tên quy hoạch	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch	Cơ quan lập quy hoạch	Dự toán lập quy hoạch		Tư vấn lập quy hoạch		Tình trạng, thời gian, tiến độ thực hiện						
				Tình trạng	Dự toán đã phê duyệt (tỷ đồng)	Tình trạng lựa chọn	Tên Tư vấn lập quy hoạch	Lập quy hoạch		Thẩm định		Phê duyệt		
								Tình trạng, Thời gian đã lấy ý kiến	Dự kiến hoàn thành	Tình trạng, Thời gian đã trình	Dự kiến hoàn thành	Tình trạng, Thời gian đã trình	Dự kiến hoàn thành	
I	QH cấp quốc gia													
II	QH vùng													
III	QH tỉnh													

B - Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị (báo cáo cụ thể theo các loại quy hoạch chung, phân khu, chi tiết, hạ tầng kỹ thuật đối với từng loại đô thị)

TT	Loại đô thị	Số lượng	Số lượng quy hoạch đang được lập mới	Số lượng quy hoạch đã được phê duyệt	Số lượng quy hoạch đang tiến hành điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đã được điều chỉnh	
					Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ
	Đặc biệt							
	Loại 1							
	Loại 2							
	Loại 3							
	Loại 4							
	Loại 5							

PHỤ LỤC 3

Kết quả điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011-2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt

TT	Tên quy hoạch được điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Cơ quan lập quy hoạch	Cơ quan thẩm định	Cơ quan quyết định/phê duyệt điều chỉnh	Căn cứ pháp lý (Văn bản quy phạm pháp luật, Văn bản chỉ đạo, điều hành)	Hình thức điều chỉnh (tổng thể/cục bộ)
I	Cấp quốc gia						
II	Cấp vùng						
III	Cấp tỉnh						

PHỤ LỤC 4

Kết quả rà soát quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế

TT	Tên quy hoạch bị bãi bỏ	Cơ quan quyết định bãi bỏ	Số văn bản quyết định bãi bỏ	Ngày ban hành văn bản	Quy định pháp luật thay thế	Ghi chú
I	Cấp quốc gia					
II	Cấp vùng					
II	Cấp tỉnh					

PHỤ LỤC 5

**Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện
(quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành)**

A - Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch xây dựng

TT	Tên quy hoạch	Tổng số	Số lượng quy hoạch đang được lập	Số lượng quy hoạch đã thẩm định	Số lượng quy hoạch đã được phê duyệt	Số lượng quy hoạch đã điều chỉnh		Số lượng quy hoạch đang được điều chỉnh	
						Tổng thể	Cục bộ	Tổng thể	Cục bộ
	Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện								
	Quy hoạch xây dựng vùng huyện								
	Quy hoạch xây dựng khu chức năng (phân loại theo từng loại quy hoạch chung, phân khu, chi tiết)								

B - Kết quả lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

TT	Địa phương	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2011 – 2020 đã được điều chỉnh	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030 đã được lập	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đã thẩm định	Số lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đã phê duyệt

PHỤ LỤC 6

Rà soát khó khăn, vướng mắc của các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về công tác quy hoạch và kiến nghị sửa đổi, bổ sung

TT	Tên văn bản	Nội dung	Khó khăn, vướng mắc	Cơ quan/ địa phương kiến nghị	Kiến nghị
I	Lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030				
II	Rà soát quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 – 2020 khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được quyết định/phê duyệt				
III	Rà soát quy hoạch hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch và việc ban hành các chính sách, quy định pháp luật thay thế				
IV	Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện				
V	Xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia				
VI	Các nội dung khác				

KẾ HOẠCH CHI TIẾT

Giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành”

Thực hiện Nghị quyết số 09/2021/QH15 ngày 25/7/2021 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2022, Nghị quyết số 19/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành” và Nghị quyết số 276/NQ-UBTVQH15 ngày 23/8/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách Ủy viên và đại biểu mời tham gia Đoàn giám sát, Đoàn giám sát xây dựng Kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện. Cụ thể:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá toàn diện, khách quan việc triển khai thực hiện Luật Quy hoạch, Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các luật, pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan.

- Kết thúc hoạt động giám sát, có báo cáo đánh giá cụ thể: việc sử dụng nguồn lực cho công tác quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030; Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch và chất lượng của công tác tư vấn quy hoạch; tiến độ, cách thức triển khai lập, thẩm định và quyết định/phê duyệt các quy hoạch; tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch; việc tuân thủ các quy định về căn cứ, yêu cầu, nội dung quy hoạch của từng cấp/loại quy hoạch theo hệ thống quy hoạch quốc gia; tác động đối với công tác quản lý nhà nước, đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế các quy hoạch đã hết hiệu lực; việc xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia nhằm xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch; tác động của việc điều chỉnh các quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; việc tổ chức thực hiện các quy hoạch.

Đồng thời, đánh giá việc quản lý các quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện (quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành) là những quy hoạch có ảnh hưởng lớn đến quản lý đầu tư công, hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp và của người dân.

- Phát hiện những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (làm rõ những tồn tại, hạn chế là do quy định pháp luật hay do tổ chức thực hiện); Làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân người đứng đầu trong việc chậm tiến độ lập quy hoạch, lãng phí nguồn lực, chất lượng quy hoạch chưa cao, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động đầu tư, kinh doanh.

- Kịp thời xử lý hoặc đề xuất phương án xử lý những tồn tại, hạn chế nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030. Kiến nghị, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về quy hoạch, pháp luật có liên quan, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch và xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Yêu cầu trong triển khai thực hiện

- Thực hiện đúng quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Quy chế hoạt động giám sát của Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành¹ và Nghị quyết số 19/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

- Tích cực, chủ động đổi mới cách thức, phương pháp triển khai, nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, lựa chọn các vấn đề có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

- Lựa chọn các hình thức giám sát phù hợp; xác định cụ thể Bộ, ngành, địa phương để thực hiện giám sát chuyên sâu bảo đảm mục đích yêu cầu giám sát, phù hợp với tình hình phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Phân công, phối hợp, triển khai thực hiện khoa học, chặt chẽ, tránh chồng chéo, phô trương, hình thức, gây lãng phí, tốn kém.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI GIÁM SÁT

1. Nội dung giám sát

- Việc ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật và các công văn hướng dẫn việc thực hiện Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có liên quan.

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, công khai và tổ chức thực hiện các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, các Bộ, ngành, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Việc rà soát, ban hành danh mục quy hoạch tích hợp vào các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia và điều chỉnh quy hoạch thời kỳ 2011 - 2020 khi quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia chưa được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.

¹ Quy chế "Tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội" ban hành theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 11/01/2017 (gọi tắt là Quy chế hoạt động giám sát của Quốc hội).

- Việc rà soát các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch và ban hành các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật thay thế các quy hoạch nói trên.

- Việc triển khai lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, công khai và điều chỉnh các quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện (là quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành) theo pháp luật có liên quan.

- Việc xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

2. Đối tượng giám sát

- Chính phủ và các Bộ² (trong đó tập trung vào các ngành, lĩnh vực sau: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

- Hội đồng nhân dân (vừa là đối tượng chịu sự giám sát, vừa là cơ quan thực hiện giám sát), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Phạm vi giám sát

- Về không gian: giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định pháp luật liên quan trên phạm vi cả nước.

- Về thời gian: từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/01/2019, riêng các quy định về lập, thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2018) đến ngày 15/12/2021.

III. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT

Đoàn giám sát thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Quy chế tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội kèm theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 của UBTVQH và căn cứ tình hình thực tế, tổ chức hoạt động giám sát. Cụ thể:

1. Tổ chức các cuộc họp của Đoàn giám sát, làm việc với một số cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Tổ chức các Đoàn công tác để tiến hành giám sát tại một số Bộ, ngành và địa phương bảo đảm phù hợp với yêu cầu và tình hình diễn biến dịch bệnh Covid-19.

3. Trên cơ sở kết quả báo cáo của các Bộ, ngành và địa phương, Trưởng Đoàn giám sát sẽ quyết định mời chuyên gia, hiệp hội, tổ chức tư vấn lập quy hoạch, cơ

² Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường.

quan có liên quan tham gia các Đoàn công tác; tổ chức hội thảo, tọa đàm tham vấn ý kiến để thu thập thông tin, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát.

IV. PHÂN CÔNG, TỔ CHỨC CÔNG VIỆC CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Đồng chí Nguyễn Đức Hải, Phó Chủ tịch Quốc hội, Trưởng Đoàn giám sát chịu trách nhiệm chung; chỉ đạo các Đoàn công tác thực hiện theo đúng kế hoạch; phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên Đoàn giám sát. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng Đoàn giám sát quyết định tổ chức thêm các cuộc họp, giao cho các Ủy ban tổ chức các phiên giải trình, khảo sát; mời chuyên gia, tổ chức, cơ quan liên quan tham gia các hoạt động của Đoàn giám sát; lấy ý kiến bằng văn bản để hoàn thiện dự thảo kế hoạch chi tiết, các đề cương báo cáo, dự thảo Báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề và các nội dung khác có liên quan.

2. Đồng chí Vũ Hồng Thanh, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn thường trực giúp Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo các vấn đề liên quan đến nội dung chuyên đề theo phân công.

3. Đồng chí Lê Quang Huy, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giúp Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo các vấn đề liên quan đến nội dung chuyên đề theo phân công.

4. Đồng chí Nguyễn Đắc Vinh, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội, Phó Trưởng Đoàn giúp Trưởng Đoàn giám sát chỉ đạo các vấn đề liên quan đến nội dung chuyên đề theo phân công.

5. Đồng chí Nguyễn Minh Sơn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế, thành viên Đoàn giám sát kiêm Tổ trưởng Tổ giúp việc chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn giám sát về công việc của Tổ, phân công thành viên Tổ giúp việc; chỉ đạo việc tham mưu về nội dung chuyên đề, xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát bảo đảm kịp thời, chất lượng và hiệu quả.

6. Thành viên Đoàn giám sát và đại biểu được mời tham gia hoạt động của Đoàn giám sát chịu sự phân công của Trưởng Đoàn giám sát, tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn; thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công, bảo đảm tiến độ và yêu cầu của Trưởng đoàn.

V. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

1. Xây dựng Kế hoạch giám sát chi tiết và các Đề cương báo cáo

- Tổ giúp việc tập hợp, tổng hợp tài liệu liên quan đến nội dung của chuyên đề giám sát; tham mưu xây dựng dự thảo Kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát và các đơn vị có liên quan (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ); các đề cương báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Hội đồng nhân dân và Đoàn đại biểu Quốc hội (tháng 8-9/2021).

- Xin ý kiến thành viên Đoàn giám sát, Thường trực Chính phủ, một số Bộ

chịu trách nhiệm chính cho ý kiến bằng văn bản về dự thảo Kế hoạch giám sát, các đề cương báo cáo trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại phiên họp thứ 3 (tháng 9/2021).

- Đoàn giám sát tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoàn thiện Kế hoạch giám sát và các đề cương báo cáo, xin ý kiến lãnh đạo Đoàn giám sát; Báo cáo Chủ tịch Quốc hội (đầu tháng 10/2021).

- Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội, hoàn thiện Kế hoạch giám sát và các đề cương báo cáo trình Trưởng Đoàn giám sát ký ban hành (trước 15/10/2021).

2. Đề nghị sự tham gia của các cơ quan, tổ chức trong quá trình giám sát

Trên cơ sở Đề cương báo cáo chi tiết của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chịu sự giám sát; Đoàn giám sát đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước, các tổ chức liên quan tham gia vào hoạt động giám sát:

- Hình thức tham gia: Cử đại diện tham gia các buổi làm việc, các Đoàn công tác, tham gia ý kiến trực tiếp bằng văn bản.

- Nội dung: Tham gia vào hoạt động giám sát thông qua việc cung cấp số liệu; nội dung đánh giá liên quan đến công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành.

3. Thời hạn các cơ quan gửi báo cáo

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo theo Đề cương, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu và gửi đến Đoàn giám sát trước ngày 15/12/2021.

- Các Bộ, ngành liên quan xây dựng báo cáo theo Đề cương, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu và gửi về Đoàn giám sát trước ngày 15/12/2021.

- Chính phủ xây dựng báo cáo theo Đề cương và gửi về Đoàn giám sát trước ngày 30/12/2021.

- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ gửi báo cáo theo yêu cầu về Đoàn giám sát trước ngày 15/01/2022.

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ theo Đề cương, tổ chức giám sát về nội dung chuyên đề, báo cáo kết quả giám sát cho Đoàn giám sát trước ngày 15/01/2022.

- Đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương tổ chức giám sát về nội dung chuyên đề và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đoàn giám sát trước ngày 15/01/2022.

4. Đoàn giám sát tổ chức các phiên họp và các buổi làm việc với Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan

4.1. Làm việc với các chuyên gia, hiệp hội, tổ chức tư vấn lập quy hoạch, cơ quan có liên quan về những vấn đề cần quan tâm trước khi làm việc với các đối



tượng chịu sự giám sát (nếu cần thiết).

Thời gian: dự kiến tháng 02 và tháng 3/2022.

4.2. Căn cứ tình hình thực tế và kết quả xem xét báo cáo của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan liên quan, Tổ giúp việc tham mưu cho Đoàn giám sát tổ chức các buổi làm việc với Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan và nội dung cần quan tâm. Hình thức làm việc do Trưởng Đoàn giám sát quyết định căn cứ vào tình hình thực tế và có Chương trình riêng.

Thời gian: dự kiến tháng 2 và tháng 3/2022.

4.3. Tổ chức làm việc với Chính phủ để nghe Chính phủ báo cáo và làm rõ một số vấn đề nhằm xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

Thời gian: dự kiến tháng 3/2022.

4.4. Đoàn giám sát thảo luận cho ý kiến về dự thảo Báo cáo kết quả giám sát, dự thảo Nghị quyết về kết quả giám sát, phim minh họa.

Thời gian: dự kiến cuối tháng 3/2022.

5. Xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả giám sát

- **Trước tháng 03/2022:** Nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá các báo cáo của Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức; nghiên cứu, tổng hợp văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch; xây dựng, hoàn thiện dự thảo Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát và xây dựng phim minh họa (lần 1) để phục vụ cho phiên họp của Đoàn giám sát.

- **Trước tháng 04/2022:** Đoàn giám sát tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để hoàn thiện dự thảo Báo cáo kết quả giám sát và phim minh họa (lần 2); xây dựng dự thảo Nghị quyết giám sát chuyên đề.

- **Trước ngày 05/4/2022:** Hoàn thiện dự thảo Báo cáo kết quả giám sát và phim minh họa (lần 3); dự thảo Nghị quyết giám sát chuyên đề, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp tháng 4/2022.

6. Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trình Quốc hội kết quả giám sát và ban hành Nghị quyết giám sát chuyên đề

- **Tại phiên họp tháng 4/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,** Đoàn giám sát báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Báo cáo kết quả giám sát, chiếu phim minh họa và dự thảo Nghị quyết giám sát chuyên đề.

- **Trước ngày 10/5/2022,** Đoàn giám sát tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát (báo cáo tóm tắt), phim minh họa và dự thảo Nghị quyết giám sát chuyên đề, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 3.

- **Tại kỳ họp thứ 3,** trên cơ sở xem xét báo cáo kết quả của Đoàn giám sát và phim minh họa, Quốc hội ban hành Nghị quyết về chuyên đề giám sát.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban Kinh tế của Quốc hội giúp Đoàn giám sát chủ trì tham mưu về nội dung chuyên đề giám sát.

2. Tổng Thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kinh tế tham mưu, phục vụ Đoàn giám sát xây dựng chương trình, kế hoạch và các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Đoàn giám sát.

3. Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch giám sát; xây dựng báo cáo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan của nội dung báo cáo; phối hợp, cử cán bộ tham gia phục vụ, cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; yêu cầu Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ và các cơ quan, tổ chức khác phối hợp với Đoàn giám sát trong việc tham gia các hoạt động của Đoàn giám sát, cung cấp thông tin từ kết quả của việc giám sát, kiểm toán, thanh tra liên quan nội dung giám sát.

5. Hội đồng nhân dân báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ theo Đề cương, tổ chức giám sát chuyên đề tại địa phương; Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức giám sát chuyên đề tại địa phương; cử đại diện tham gia, phối hợp với Đoàn giám sát khi Đoàn đến giám sát tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành*”. Các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội, các cơ quan chịu sự giám sát, các cơ quan, tổ chức liên quan và địa phương căn cứ Kế hoạch này để thực hiện. Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào yêu cầu và tình hình thực tế, Trưởng Đoàn giám sát có thể điều chỉnh Kế hoạch và thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND; Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- HĐDT, UB của QH, cơ quan thuộc UBND;
- VPCP và các Bộ: QP, CA, NG, TP, TC, CT, LĐ-TB và XH, GTVT, XD, TT và TT, GD và ĐT, NN và PTNN, KH và ĐT, YT, KH và CN, VH-TT và DL, TN và MT;
- KTNN, TTCP;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND cấp tỉnh;
- Tổ giúp việc Đoàn giám sát;
- Các Vụ, đơn vị thuộc VPQH;
- Lưu: HC, GS;
- Eps: 76795

TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN



PHÓ CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
Nguyễn Đức Hải

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

“Việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành”

(Ban hành kèm theo Kế hoạch chi tiết số 10 /KH-ĐGS, ngày 12 tháng 10 năm 2021)

TT	Nội dung công việc	Thời hạn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan tham mưu, giúp việc
1	- Đoàn giám sát thành lập Tổ giúp việc - Tham mưu, xây dựng dự thảo Kế hoạch, Đề cương báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát, các cơ quan liên quan, các Đề cương báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	Tháng 8/2021	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
2	Các đồng chí thành viên Đoàn giám sát, Thường trực Chính phủ, Bộ, ngành chính cho ý kiến bằng văn bản về dự thảo Kế hoạch, các đề cương báo cáo trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại phiên họp thứ 3.	Tháng 9/2021	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
3	Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về dự thảo Kế hoạch giám sát và các Đề cương báo cáo.	Tháng 9/2021	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
4	Phát hành Kế hoạch và các Đề cương, văn bản yêu cầu báo cáo và sự tham gia của các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình giám sát.	Trước 15/10/2021	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
5	Xây dựng báo cáo theo Đề cương gửi về Đoàn giám sát	Trước 15/12/2021	Các Bộ liên quan; UBND cấp tỉnh	
		Trước 30/12/2021	Chính phủ	
6	Xây dựng báo cáo theo Đề cương gửi về Đoàn giám sát	Trước 15/01/2022	Đoàn ĐBQH, HĐND cấp tỉnh	
7	Xây dựng báo cáo riêng theo nội dung chuyên đề gửi về Đoàn giám sát.	Trước 15/01/2022	UBTW MTTQ Việt Nam; KTNN; TTCP	
8	- Làm việc với các chuyên gia, hiệp hội, tổ chức tư vấn lập quy hoạch, cơ quan có liên quan về những vấn đề cần quan tâm trước khi làm việc đối tượng chịu sự giám sát. - Tập hợp, tổng hợp tài liệu có liên quan gửi thành viên Đoàn giám sát nghiên cứu, tham khảo.	Tháng 02-03/2022	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc

9	- Tổ chức giám sát thực tế, làm việc với các địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan; - Tổ chức làm việc với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan để làm rõ một số nội dung các báo cáo.	Tháng 02-03/2022	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
10	Tổ chức làm việc với Chính phủ để nghe Chính phủ báo cáo và làm rõ một số nội dung nhằm xây dựng dự thảo báo cáo kết quả giám sát.	tháng 03/2022	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
11	Đoàn giám sát thảo luận cho ý kiến về dự thảo Báo cáo kết quả giám sát, dự thảo Nghị quyết về kết quả giám sát, phim minh họa.	Cuối tháng 03/2022	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
12	Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến.	Tại phiên họp tháng 4/2022	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
13	Đoàn giám sát hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát (báo cáo tóm tắt), phim minh họa và dự thảo Nghị quyết giám sát chuyên đề, trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 3.	Trước ngày 10/5/2022	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc
14	Trình Quốc hội Báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp thứ 3; Quốc hội ban hành Nghị quyết về chuyên đề giám sát.	Tháng 5-6/2022	Đoàn giám sát	Tổ giúp việc